

Biểu mẫu 17

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA Y - DƯỢC

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo					
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy		
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh			<p>- <i>Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT</i>: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ GD&ĐT.</p> <p>- <i>Xét tuyển theo kết quả học tập THPT</i>: Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên.</p> <p>- <i>Xét tuyển thẳng</i>: thí sinh tốt nghiệp THPT, đảm bảo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ GD&ĐT quy định, không có môn thi THPT nào từ 1,0 điểm trở xuống. Thí sinh chưa tốt nghiệp THPT sẽ được bảo lưu kết quả đến hết năm tốt nghiệp THPT. Đạt giải các năm: 2021, 2022, 2023. Đối tượng được xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển đáp ứng các yêu cầu tại quy định trong “Quy chế tuyển sinh</p>			



STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non” ban hành theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.				
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được			<p>1. Y khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bác sĩ đa khoa phải có các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở, bệnh lý học, y tế công cộng để vận dụng vào giải thích, nhận thức, giải quyết vấn đề liên quan đến bệnh tật trong cộng đồng, xã hội. - Bác sĩ đa khoa phải có khả năng giải quyết các nhu cầu khám chữa bệnh thông thường một cách kịp thời, an toàn, hiệu quả, kinh tế trong điều kiện thực tế. Bác sĩ đa khoa phải có kỹ năng giao tiếp với bệnh nhân, người nhà bệnh nhân và cộng đồng. - Bác sĩ đa khoa phải có thái độ nghiêm túc, tác phong chuyên nghiệp trong hoạt động nghề nghiệp, tuân theo các chuẩn mực về đạo đức, văn hóa trong cộng đồng, hiến pháp và pháp luật của nhà nước. 				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo					
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy	
				<p>- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc các bằng cấp tương đương.</p> <p>2. Điều dưỡng:</p> <p>- Đào tạo Cử nhân Điều dưỡng có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân; có kiến thức và kỹ năng thực hành nghề theo tiêu chuẩn năng lực điều dưỡng ở trình độ đại học; có sức khỏe, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, phối hợp và nghiên cứu khoa học, quản lý và phát triển nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cộng đồng.</p> <p>- Người Điều dưỡng có kiến thức vững vàng về khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học chuyên ngành về khối ngành khoa học sức khỏe và ngành điều dưỡng; các nguyên tắc thực hành điều dưỡng, chăm sóc, lấy người bệnh và gia đình làm trung tâm; có kiến thức vững vàng về sự tác động qua lại giữa</p>			

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				<p>môi trường và sức khỏe con người; các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</p> <p>- Người Điều dưỡng phải có kỹ năng thực hiện các hoạt động chuyên môn liên quan đến nhận định vấn đề sức khỏe và nhu cầu chăm sóc, từ đó phân tích và giải quyết vấn đề dựa trên y học bằng chứng và giao tiếp hiệu quả với người bệnh, gia đình người bệnh, đồng nghiệp và cộng đồng.</p> <p>- Người Điều dưỡng phải có tác phong hành nghề chuyên nghiệp theo các chuẩn mực đạo đức, pháp lý, tôn trọng các giá trị văn hóa đa dạng và có ý thức phát triển nghề nghiệp.</p> <p>- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 (Khung>NNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc tương đương</p> <p>3. Răng Hàm Mặt</p> <p>- Đào tạo Bác sỹ Răng Hàm Mặt (RHM) có y đức, có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản</p>				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				<p>về y học và nha khoa, để xác định, đề xuất và tham gia giải quyết các vấn đề trong dự phòng, chẩn đoán và điều trị các bệnh răng hàm mặt cho cá nhân và cộng đồng, có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ răng miệng cho nhân dân.</p> <p>- Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 (Khung>NNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc tương đương.</p> <p>4. Dược học</p> <p>- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khoẻ nhân dân, tôn trọng, cảm thông và hết lòng phục vụ người bệnh. Thể hiện đạo đức, luân lý trong hành nghề Dược và trong nghiên cứu Y - Sinh - Dược, thực hiện tốt 12 điều quy định về Y đức và 10 điều Dược đức.</p> <p>- Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ và những yêu cầu nghề nghiệp.</p>				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				<ul style="list-style-type: none"> - Có tinh thần nghiên cứu khoa học và học tập nâng cao trình độ. - Tích lũy được kiến thức nền tảng về khoa học cơ bản và y dược học cơ sở. - Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. - Có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và chính sách liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và bảo vệ môi trường. - Có phương pháp luận khoa học trong công tác chuyên môn và nghiên cứu. - Có khả năng thực hiện được các kỹ năng cơ bản của một Dược sĩ như tổ chức dược và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với các nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng. Ứng dụng kiến thức ngành Dược vào thực tiễn và tham gia thực hiện các nghiên cứu khoa học theo 				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				tiếp cận của khoa học y dược hiện đại trong nước và quốc tế. - Đạt trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (ban hành kèm theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) hoặc các bằng cấp tương đương.				
III	Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học			Theo Quy định chung của Đại học Đà Nẵng.				
IV	Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện			1. Y khoa 2. Răng hàm mặt 3. Điều dưỡng 4. Dược học				
V	Khả năng học tập, nâng			1. Y khoa Sinh viên tốt nghiệp có thể được học lên theo các chương trình đào tạo bác sĩ nội trú, thạc sĩ,				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
				Chính quy	Liên thông chính quy			Văn bằng 2 chính quy
	cao trình độ sau khi ra trường			<p>tiến sĩ, chuyên khoa I, chuyên khoa II, ... tại các cơ sở đào tạo Y khoa.</p> <p>2. Điều dưỡng: Thạc sĩ, Tiến sĩ Điều dưỡng và các chuyên ngành thuộc khoa học sức khỏe. Điều dưỡng chuyên khoa, chuyên khoa I, chuyên khoa II</p> <p>3. Răng Hàm Mặt: Sinh viên tốt nghiệp có thể được học lên theo các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa I, chuyên khoa II... tại các cơ sở đào tạo Y khoa.</p> <p>4. Dược học Sinh viên tốt nghiệp có thể được học lên theo các chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên khoa I, chuyên khoa II... tại các cơ sở đào tạo Dược.</p>				
VI	Vị trí làm sau khi tốt nghiệp			<p>1. Y khoa:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cơ sở y tế nhà nước và tư nhân - Các cơ quan quản lý y tế trung ương và địa phương - Các trường đại học, cao đẳng và các viện nghiên cứu chuyên ngành khoa học sức khỏe <p>2. Điều dưỡng:</p>				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				<p>Điều dưỡng viên tại các cơ sở y tế trong và ngoài nước. Cán bộ hướng dẫn thực hành, giảng viên tại các cơ sở đào tạo Điều dưỡng. Làm việc tại các trung tâm, cơ quan quản lý nhà nước về y tế.</p> <p>3. Răng Hàm Mặt</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp, có thể làm việc tại các bệnh viện, các cơ sở y tế Nhà nước và tư nhân, các cơ sở đào tạo y dược, các Viện nghiên cứu và các cơ quan Quản lý ngành khoa học sức khỏe, các tổ chức nhà nước và tổ chức phi chính phủ. - Các cơ sở điều trị: bác sĩ trực tiếp tham gia điều trị và quản lý tại các bệnh viện công lập và tư nhân. - Các cơ sở đào tạo: giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung học y tế, cán bộ quản lý đào tạo. - Các viện nghiên cứu: chuyên viên trong các viện nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học sức khỏe, y dược, y sinh, công nghệ y dược... - Các cơ quan quản lý: chuyên viên các cơ quan quản lý y tế. Chuyên viên trong các tổ chức 				



STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học			Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				<p>nhà nước và tổ chức phi chính phủ.</p> <p>4. Dược học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cung ứng và hướng dẫn sử dụng thuốc tại bệnh viện và các cơ sở khám chữa bệnh; tư vấn cho thầy thuốc chỉ định thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; hướng dẫn sử dụng thuốc thông thường chữa một số bệnh thường gặp trong cộng đồng; thông tin thuốc cho cán bộ y tế, bệnh nhân và cộng đồng. - Bào chế, sản xuất thuốc: bào chế và sản xuất các dạng thuốc thông thường, một số dạng thuốc mới; chế biến một số vị thuốc cổ truyền. - Quản lý Nhà nước về dược phẩm và hoạt động tại các viện, trung tâm kiểm nghiệm: tham gia vào việc đảm bảo chất lượng thuốc, cung ứng thuốc, vật tư y tế và mỹ phẩm; thực hiện các văn bản pháp quy về dược; tham gia lập, điều hành, triển khai kế hoạch về dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và các hoạt động chuyên môn về dược trong các chương trình y tế quốc gia. - Nghiên cứu khoa học và giảng dạy: tham gia nghiên cứu khoa 				

STT	Nội dung	Trình độ đào tạo						
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm chính quy	Trung cấp sư phạm chính quy	
				Chính quy	Liên thông chính quy	Văn bằng 2 chính quy		
				học về Dược phẩm trong các cơ sở đào tạo, trường đại học, các viện nghiên cứu; phối hợp đồng nghiệp triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn dược giao. - Kinh doanh dược phẩm: tại các cơ sở bán lẻ và bán buôn các công ty sản xuất, nhập khẩu.				

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

**KHOA
Y-DƯỢC**

TS.BS. Lê Viết Nhiệm



Biểu mẫu 18

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA Y - DƯỢC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI			x	x				
7	Khối ngành VII								

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			SL SVTN có việc làm	SL SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
	Tổng số								
1	Khối ngành I								
2	Khối ngành II								

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			SL SVTN có việc làm	SL SVTN đang học nâng cao	Tổng số SVTN được khảo sát	Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá				
3	Khối ngành III								
4	Khối ngành IV								
5	Khối ngành V								
6	Khối ngành VI	157		81	76	76	68	157	91,7%
7	Khối ngành VII								

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: $((\text{SL SVTN có việc làm} + \text{SL SVTN đang học nâng cao}) / \text{tổng số SVTN được khảo sát}) * 100$

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Ngành Y Khoa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Anh văn 1		3		
8	Anh văn 2		4		
9	Anh văn chuyên ngành 1		2		
10	Anh văn chuyên ngành 2		2		
11	Tin học		3		
12	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
15	Dân số - Truyền thông và giáo dục sức khỏe		2		
16	Sinh học và Di truyền		3		
17	Lý sinh		2		
18	Hóa học		3		
19	Thống kê y học		2		
20	Tâm lý y học - Y đức		2		
21	Giải phẫu 1		3		
22	Giải phẫu 2		3		
23	Mô phôi		3		
24	Sinh lý 1		3		
25	Sinh lý 2		3		
26	Hóa sinh		3		
27	Vi sinh		3		
28	Ký sinh trùng		3		
29	Giải phẫu bệnh		3		
30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
31	Dược lý		3		
32	Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm		2		
33	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		2		
34	Dịch tễ học		2		
35	Điều dưỡng		2		
36	Phẫu thuật thực hành		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Chẩn đoán hình ảnh		3		
38	Thực tập cộng đồng		1		
39	Tiền lâm sàng 1		2		
40	Tiền lâm sàng 2		2		
41	Nội cơ sở 1		4		
42	Nội cơ sở 2		5		
43	Ngoại cơ sở 1		4		
44	Ngoại cơ sở 2		5		
45	Nội bệnh lý 1		5		
46	Nội bệnh lý 2		5		
47	Nội bệnh lý 3		3		
48	Nội bệnh lý 4		3		
49	Ngoại bệnh lý 1		5		
50	Ngoại bệnh lý 2		5		
51	Ngoại bệnh lý 3		3		
52	Ngoại bệnh lý 4		3		
53	Phụ sản 1		5		
54	Phụ sản 2		5		
55	Phụ sản 3		2		
56	Phụ sản 4		3		
57	Nhi khoa 1		5		
58	Nhi khoa 2		5		
59	Nhi khoa 3		2		
60	Nhi khoa 4		3		
61	Truyền nhiễm		3		
62	Y học cổ truyền		2		
63	Lao		2		
64	Răng Hàm Mặt		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
65	Tai Mũi Họng		2		
66	Mắt		2		
67	Da liễu		2		
68	Phục hồi chức năng		2		
69	Tâm thần		2		
70	Ung thư		2		
71	Huyết học		2		
72	Gây mê hồi sức		1		
73	Hồi sức cấp cứu		2		
74	Dược lâm sàng		1		
75	Pháp y		1		
76	Y học hạt nhân		1		
77	Y học gia đình		1		
78	Tổ chức và quản lý y tế		2		
79	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		4		
80	Thực tế tốt nghiệp		4		
TỔNG CỘNG			218		

2. Ngành Răng Hàm Mặt

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Tin học		3		
8	Anh văn 1		3		
9	Anh văn 2		4		
10	Anh văn chuyên ngành		4		
11	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
12	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
13	Hóa học		3		
14	Sinh học và Di truyền		3		
15	Lý sinh		2		
16	Tâm lý y học - Y đức		2		
17	Thống kê y học		2		
18	Sức khỏe môi trường và sức khỏe nghề nghiệp		2		
19	Giải phẫu 1		3		
20	Giải phẫu 2		3		
21	Hóa sinh		3		
22	Sinh lý 1		2		
23	Sinh lý 2		2		
24	Vi sinh		3		
25	Ký sinh trùng		3		
26	Mô phôi		3		
27	Giải phẫu bệnh		3		
28	Dược lý		4		
29	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
30	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
31	Điều dưỡng cơ bản		2		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
32	Nội cơ sở		3		
33	Nội bệnh lý		3		
34	Ngoại cơ sở		3		
35	Ngoại bệnh lý		3		
36	Nhi khoa		3		
37	Sản phụ khoa		3		
38	Y học cổ truyền		2		
39	Tai mũi họng		2		
40	Mắt		2		
41	Da liễu		2		
42	Dịch tễ học		2		
43	Giải phẫu răng 1		3		
44	Giải phẫu răng 2		2		
45	Mô phôi răng miệng - Sinh học miệng		2		
46	Vật liệu - thiết bị nha khoa		2		
47	Cán khớp học		3		
48	Giải phẫu ứng dụng và phẫu thuật thực hành miệng hàm mặt		2		
49	Chẩn đoán hình ảnh RHM		2		
50	Nhổ răng		4		
51	Phẫu thuật trong miệng		3		
52	Bệnh học miệng và hàm mặt 1		3		
53	Bệnh học miệng và hàm mặt 2		3		
54	Phẫu thuật hàm mặt		4		
55	Chữa răng nội nha 1		3		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Chữa răng nội nha 2		3		
57	Mô phỏng lâm sàng chữa răng		2		
58	Mô phỏng lâm sàng nội nha		2		
59	Nha chu 1		3		
60	Nha chu 2		2		
61	Phục hình tháo lắp 1		2		
62	Phục hình tháo lắp 2		3		
63	Mô phỏng lâm sàng phục hình tháo lắp		2		
64	Phục hình cố định 1		2		
65	Phục hình cố định 2		3		
66	Mô phỏng lâm sàng phục hình cố định		2		
67	Răng trẻ em 1		2		
68	Răng trẻ em 2		2		
69	Mô phỏng lâm sàng răng trẻ em		2		
70	Chỉnh hình răng mặt		3		
71	Nha khoa công cộng		2		
72	Nha khoa cấy ghép		2		
73	Điều dưỡng nha khoa		2		
74	Tổ chức hành nghề bác sĩ răng hàm mặt		2		
75	Thực tế nghề nghiệp		2		
76	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		7		
TỔNG CỘNG			193		

3. Ngành Dược học

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1. Kiến thức giáo dục đại cương			40		
			27		
1	Triết học Mác - Lênin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Anh văn 1		3		
7	Anh văn 2		4		
8	Anh văn chuyên ngành		4		
9	Tin học		3		
10	Pháp luật đại cương		2		
11	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
12	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
			13		
13	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		
14	Sinh học và Di truyền		2		
15	Vật lý		2		
16	Hóa đại cương - vô cơ		2		
17	Thống kê y học		3		
18	Tâm lý y học - Y đức		2		
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			128		
			47		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Hóa hữu cơ 1		2		
20	Hóa hữu cơ 2		4		
21	Giải phẫu		3		
22	Sinh lý		3		
23	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
24	Ký sinh trùng		3		
25	Hóa phân tích 1		3		
26	Hóa phân tích 2		3		
27	Hóa lý dược		3		
28	Vi sinh		3		
29	Bệnh học		3		
30	Hóa sinh		4		
31	Thực vật dược		4		
32	Dịch tễ dược học		2		
33	Dược xã hội học		2		
34	Tổ chức và quản lý y tế		2		
			61		
35	Hoá dược 1		4		
36	Hoá dược 2		4		
37	Dược liệu 1		3		
38	Dược liệu 2		4		
39	Dược lý 1		4		
40	Dược lý 2		4		
41	Dược học cổ truyền		3		
42	Pháp chế dược		2		
43	Bào chế - công nghệ dược 1		4		



TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
44	Bào chế - công nghệ dược 2		4		
45	Dược lâm sàng 1		4		
46	Dược lâm sàng 2		3		
47	Công nghiệp dược		4		
48	Kinh tế dược		3		
49	Kiểm nghiệm thuốc		4		
50	Dược động học		2		
51	Độc chất		3		
52	Thực hành dược khoa		2		
			20		
			20		
			14		
1	Chăm sóc dược		2		
2	Sử dụng thuốc trong điều trị 1		2		
3	Sử dụng thuốc trong điều trị 2		2		
4	Hoá sinh lâm sàng		3		
5	Hoá trị liệu		2		
6	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		
			6		
			20		
			14		
1	Quản lý Dược		2		
2	Marketing và thị trường dược phẩm		2		
3	Bảo hiểm y tế và chính sách công		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Dược cộng đồng		2		
5	Tổ chức quản lý dược bệnh viện		3		
6	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		
			6		
			20		
			14		
1	Sản xuất thuốc 1		2		
2	Sản xuất thuốc 2		3		
3	Một số dạng bào chế đặc biệt		2		
4	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới		2		
5	GPs		2		
6	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		
			6		
			20		
			14		
1	Tài nguyên cây thuốc		2		
2	Phương pháp nghiên cứu dược liệu		2		
3	Dược học cổ truyền định hướng		2		
4	Xây dựng tiêu chuẩn dược liệu và phương pháp phân lập hợp chất hữu cơ từ dược liệu		3		
5	Một số phương pháp phổ		2		
6	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
			6		
			20		
			14		
1	Kiểm nghiệm tạp chất liên quan		2		
2	Ứng dụng các kỹ thuật sắc ký lỏng hiện đại trong kiểm nghiệm thuốc		3		
3	Tiêu chuẩn hoá chất lượng chế phẩm thuốc		2		
4	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm		2		
5	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc		2		
6	Thực tập định hướng chuyên ngành		3		
			6		
3. Tốt nghiệp			16		
1	Thực tế bệnh viện		4		
2	Thực tế xí nghiệp		2		
3	Khoá luận tốt nghiệp/Học phần thay thế		10		
TỔNG CỘNG			184		

- Danh mục các học phần tự chọn dùng cho nhóm kiến thức bổ trợ và thay thế khoá luận tốt nghiệp

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Chăm sóc dược		2		
2	Sử dụng thuốc trong điều trị 1		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
3	Sử dụng thuốc trong điều trị 2		2		
4	Hoá sinh lâm sàng		2		
5	Hoá trị liệu		2		
6	Quản lý Dược		2		
7	Marketing và thị trường dược phẩm		2		
8	Bảo hiểm y tế và chính sách công		2		
9	Dược cộng đồng		2		
10	Tổ chức quản lý dược bệnh viện		2		
11	Sản xuất thuốc 1		2		
12	Sản xuất thuốc 2		2		
13	Một số dạng bào chế đặc biệt		2		
14	Nghiên cứu và phát triển thuốc mới		2		
15	GPs		2		
16	Tài nguyên cây thuốc		2		
17	Phương pháp nghiên cứu dược liệu		2		
18	Dược học cổ truyền định hướng		2		
19	Xây dựng tiêu chuẩn dược liệu và phương pháp phân lập hợp chất hữu cơ từ dược liệu		2		
20	Một số phương pháp phổ		2		
21	Kiểm nghiệm tạp chất liên quan		2		
22	Ứng dụng các kỹ thuật sắc ký lỏng hiện đại trong kiểm nghiệm thuốc		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	Tiêu chuẩn hoá chất lượng chế phẩm thuốc		2		
24	Đảm bảo chất lượng trong phân tích kiểm nghiệm		2		
25	Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc		2		

4. Ngành Điều dưỡng

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Triết học Mác - Lênin		3		
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin		2		
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2		
4	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam		2		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2		
6	Pháp luật đại cương		2		
7	Anh văn 1		3		
8	Anh văn 2		4		
9	Tin học		3		
10	Giáo dục Thể chất (1,2,3,4)		4		
11	Giáo dục Quốc phòng - An ninh		4		
12	Anh văn chuyên ngành		3		
13	Thống kê y học		2		
14	Hóa học		2		
15	Sinh học và Di truyền		2		
16	Lý sinh		2		
17	Phương pháp nghiên cứu khoa học		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
18	Tâm lý y học - Y đức		2		
19	Giải phẫu		3		
20	Mô phôi		2		
21	Sinh lý		3		
22	Hóa sinh		3		
23	Vi sinh		2		
24	Ký sinh trùng		2		
25	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		3		
26	Dược lý		3		
27	Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe và hành vi con người		1		
28	Dinh dưỡng - Tiết chế		3		
29	Sức khỏe môi trường và Sức khỏe nghề nghiệp		2		
30	Dịch tễ học		2		
31	Tổ chức và quản lý y tế		2		
32	Y học cổ truyền		2		
33	Kỹ năng giao tiếp trong thực hành Điều dưỡng		2		
34	Giáo dục sức khỏe trong thực hành Điều dưỡng		2		
35	Điều dưỡng cơ sở 1		5		
36	Điều dưỡng cơ sở 2		5		
37	Điều dưỡng cơ sở 3 (Thực tập Bệnh viện)		2		
38	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong thực hành Điều dưỡng		2		
39	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
40	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 1		2		
41	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2		2		
42	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Nội khoa 2		3		
43	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1		2		
44	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 1		2		
45	Chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2		2		
46	Thực hành chăm sóc sức khỏe người lớn có bệnh Ngoại khoa 2		3		
47	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực		1		
48	Thực hành chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực		2		
49	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		1		
50	Thực hành chăm sóc sức khỏe người cao tuổi		1		
51	Chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm		1		
52	Thực hành chăm sóc sức khỏe người bệnh truyền nhiễm		2		
53	Sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng		2		
54	Thực hành sức khỏe phụ nữ, bà mẹ, gia đình và Chăm sóc Điều dưỡng		2		
55	Chăm sóc sức khỏe trẻ em		2		

TT	TÊN HỌC PHẦN	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
56	Thực hành chăm sóc sức khỏe trẻ em		2		
57	Chăm sóc sức khỏe tâm thần		1		
58	Thực hành chăm sóc sức khỏe tâm thần		1		
59	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1		
60	Thực hành chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1		
61	Chăm sóc sức khỏe cộng đồng		1		
62	Thực hành chăm sóc sức khỏe cộng đồng		2		
63	Quản lý điều dưỡng		2		
64	Thực tế tốt nghiệp		4		
65	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần tự chọn		6		
TỔNG CỘNG			142		

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Không có		

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ		Không		
2	Thạc sĩ		Không		
3	Đại học		Chưa triển khai		

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Kết quả đào tạo
1	Không				

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo Thực hành lâm sàng tại các bệnh viện của sinh viên Đức và sinh viên Khoa Y - Dược, ĐHQĐN	20/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	60
2	Seminar "Bệnh COVID-19 và các phương pháp chẩn đoán mới"	22/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
3	Hội thảo "Tập huấn chẩn đoán Covid-19 bằng test nhanh kháng nguyên (RAT) tại nhà"	26/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	50
4	Hội thảo "An toàn phòng thí nghiệm"	28/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	50
5	Hội thảo "Ứng dụng Công nghệ thông tin, truyền thông, chuyển đổi số Khoa Y - Dược giai đoạn 2022-2025"	29/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	50
6	Seminar "Áp dụng Rubrics trong kiểm tra - đánh giá Chuẩn đầu ra học phần của chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng"	29/4/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
7	Hội thảo "Xét nghiệm SARS-CoV-2 và đảm bảo an toàn sinh học"	5/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	50
8	Seminar "Các phương pháp tiếp cận mới trong tầm soát ung thư vú"	6/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	50

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
9	Seminar "Độ nhạy và độ đặc hiệu lâm sàng các kỹ thuật xét nghiệm SARS-CoV-2"	12/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
10	Seminar" Stroke Treatment in the Era of Neurointervention"	12/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
11	Seminar "Hình ảnh cộng hưởng từ khuếch tán não bộ: một nghiên cứu theo dõi ở bệnh nhân Parkinson giai đoạn đầu"	10/6/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
12	Seminar "Kiểm soát glucose ở bệnh nhân Đái tháo đường trong thời đại Covid-19"	17/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
13	Seminar "Cảm biến phát hiện Amyloid Beta và Tau Protein hướng tới chuẩn đoán sớm Alzheimer"	19/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
14	Seminar "Bề dày lớp nội trung mạc động mạch cảnh ở bệnh nhân tăng huyết áp kèm đái tháo đường"	31/8/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
15	Hội thảo "Hướng nghiệp Dược và Lễ ký kết hợp tác giữa công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội và Khoa Y - Dược, ĐHDN"	28/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	60
16	Hội thảo "Chia sẻ kinh nghiệm viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu khoa học"	28/5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	40
17	Seminar "Trải nghiệm của điều dưỡng khi	Tháng 5/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15



STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
	chăm sóc bệnh nhân hấp hối"			
18	Seminar "Hướng kéo dài thời gian tương tác với thụ thể Histamine H1: sự phát triển từ Desloratadine thành Rupatadine"	17/6/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
19	Seminar "Cải thiện tính đặc hiệu của nanozymes thông qua đóng dấu phân tử"	10/6/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
20	Hội nghị lấy ý kiến các bên liên quan về Bản mô tả chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng năm 2022	25/6/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	60
21	Seminar "Recent advances in tuberculosis research and beyond using bacteriophages"	30/6/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
22	Seminar "Targeting Energy Expenditure Pathways to Combat Obesity and Insulin Resistance"	21/7/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
23	Seminar "Cập nhật chẩn đoán và điều trị Viêm gan C"	22/7/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
24	Hội thảo "Bệnh đái tháo đường, tim mạch nhi khoa và hội chứng Ullrich-Turner"	8/8/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
25	Seminar "Monkeypox - Overview, Disease Diagnosis and clinical management"	22/9/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
26	Hội thảo "Trải nghiệm của điều dưỡng khi	30/9/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	40

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
	chăm sóc bệnh nhân hấp hối”			
27	Hội thảo “Thực trạng sử dụng kháng sinh cho trẻ bị bệnh có sốt”	21/10/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
28	Hội thảo “Cập nhật cách viết chẩn đoán điều dưỡng theo NANDA 2022”	28/10/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
29	Hội thảo “Vai trò của thuốc ức chế bơm proton trong thực hành lâm sàng”	21/11/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
30	Hội trại huấn luyện Phẫu thuật thần kinh Việt Nam 2022	2-4/12/2022	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	200
31	Hội thảo “Sức khỏe thể chất và tinh thần của Điều dưỡng trong thời kỳ COVID-19 và hậu COVID-19”	05/01/2023	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	40
32	Hội thảo “Định hướng nghề nghiệp, cơ hội và thách thức cho sinh viên Ngành Điều dưỡng”	14/02/2023	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	20
33	Seminar "A genetic approach to study macrophage functions in mammary gland development, cancer and inflammation"	22/2/2023	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	15
34	Hội thảo "Đổi mới phương pháp giảng dạy tiền lâm sàng"	28/2/2023	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	30
35	Hội thảo “Dịch sốt xuất huyết và phát triển vắc xin phòng sốt xuất huyết”	15/3/2023	Khoa Y - Dược, Đại học Đà Nẵng	40

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

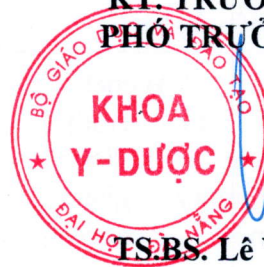
STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Nghiên cứu mối liên quan giữa bề dày lớp nội trung mạc động mạch cảnh và hình thái, chức năng tâm trương thất trái ở bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường t2yp 2	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt		6/2022 – 5/2023	30.000.000	Đang thực hiện

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Không						

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA



TS.BS. Lê Viết Nhiệm

Biểu mẫu 19

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA Y - DƯỢC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

STT	Nội dung	Diện tích (m ²)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng Trong đó:	23000	23000		
a	Trụ sở chính				
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học Trong đó:	17000	17000		
a	Trụ sở chính				
b	Phân hiệu tại...				
c	Cơ sở 2 tại...				

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng thí nghiệm, thực hành	47	Phục vụ công tác đào tạo thực hành	Sinh viên	4713	x		
2	Xưởng thực tập	9	Phục vụ công tác kiến tập,	Sinh viên	100210	400	99810	

STT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			thực tập					
3	Nhà tập đa năng							
4	Hội trường	1	Học tập trung, tổ chức sự kiện	Sinh viên, giảng viên	252	x		
5	Phòng học	16	Học lý thuyết	Sinh viên	1476	x		
6	Phòng học đa phương tiện	5	Sinh viên học thực hành Tin, Ngoại ngữ	Sinh viên	490	x		
7	Thư viện	3	Phục vụ Sinh viên học tập	Sinh viên	240			
8	Trung tâm học liệu.	2	Phục vụ sinh viên	Sinh viên	2000		x	
9	Các phòng chức năng khác	34	Phục vụ chung (hành chính, đào tạo...)	CBVC	1551	x		
10	Phòng thí nghiệm, thực hành	47	Phục vụ công tác đào tạo thực hành	Sinh viên	4713	x		

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

STT	Tên	Số lượng
1	Số phòng đọc	01
2	Số chỗ ngồi đọc	30
3	Số máy tính của thư viện	02

4	Số lượng đầu sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu trong thư viện (đầu sách, tạp chí)	142 đầu sách trong đó tổng số bản (1.183 TV), CSDL TVSO Primo các khóa luận TN và bài giảng giảng viên
5	Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường	ĐHYD Huế, https://Proquest Central

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

STT	Tên	Tỷ lệ
1	Diện tích đất/sinh viên	23000/1300
2	Diện tích sàn/sinh viên	17000/1300

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS.BS. Lê Viết Nhiệm

Biểu mẫu 20

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA Y - DƯỢC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm, năm học 2023 - 2024

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

STT	Nội dung	Tổng Số	Chức danh		Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp		
			Giáo sư	Phó Giáo sư	Tiến sĩ/CKII	Thạc sĩ/CKI	Đại học	Cao đẳng	Trình độ khác	Hạng III	Hạng II	Hạng I
I	Tổng số											
1	Giảng viên cơ hữu theo ngành											
a	Khối ngành VI	110		1	39	39	31			107	2	1
b	Khối ngành VII	2				2				2		

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
I	Khối ngành VI					
1	Lê Viết Nho	04/4/1967	Nam	Giảng viên chính	Nội tiêu hóa	Y khoa
2	Bạch Thái An	02/01/1992	Nữ	Giảng viên hạng III	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
3	Lê Công Tuấn Anh	10/10/1993	Nam	Giảng viên hạng III	Dược lý - Dược thần kinh	Dược
4	Trần Thị Kim Anh	17/12/1995	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ đa khoa	Y khoa
5	Nguyễn Đức Bảo	02/4/1986	Nam	Giảng viên hạng III	Điều dưỡng	Điều dưỡng
6	Phạm Tiến Bình	12/01/1990	Nam	Giảng viên hạng III	Y học dự phòng	Y khoa
7	Nguyễn Thị Kim	20/6/1987	Nữ	Giảng viên	Vi sinh - Ký sinh	Điều dưỡng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Chi			hạng III	trùng	
8	Đặng Thị Nguyên Chi	23/6/1983	Nữ	Giảng viên hạng III	Điều dưỡng	Điều dưỡng
9	Hứa Thị Kim Chung	04/5/1996	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
10	Nguyễn Công Đào	03/02/1970	Nam	Giảng viên hạng III	Ngoại khoa	Y khoa
11	Đỗ Thị Thúy Duy	26/12/1986	Nữ	Giảng viên hạng III	Điều dưỡng	Điều dưỡng
12	Hoàng Thị Nam Giang	24/8/1985	Nữ	Giảng viên hạng III	Nghiên cứu y học - Y tế (Nhi khoa)	Y khoa
13	Nguyễn Thị Việt Hà	16/6//1985	Nữ	Giảng viên hạng III	Dược lý - Dược lâm sàng	Dược
14	Nguyễn Thị Hà	20/11/1986	Nữ	Giảng viên hạng III	Y tế công cộng	Điều dưỡng
15	Nguyễn Thanh Hà	23/12/1987	Nam	Trợ giảng	Tai Mũi Họng	Y khoa
16	Nguyễn Thị Thu Hằng	20/9/1986	Nữ	Giảng viên hạng III	Điều dưỡng	Điều dưỡng
17	Ba Thị Thúy Hằng	10/11/1995	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
18	Trương Phú Chí Hiếu	10/8/1995	Nam	Giảng viên hạng III	Hóa Dược	Dược
19	Nguyễn Trung Hưng	24/5/1971	Nam	Giảng viên hạng III	Nội khoa	Y khoa
20	Nguyễn Hoàng Huy	19/8/1996	Nam	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
21	Nguyễn Thị Diệu Liên	01/12/1991	Nữ	Giảng viên hạng III	Khoa học Y sinh	Y khoa
22	Bùi Khánh Linh	12/11/1992	Nữ	Trợ giảng	Y đa khoa	Răng Hàm Mặt
23	Huỳnh Lôi	20/11/1972	Nam	Giảng viên hạng III	Dược liệu	Dược
24	Phan Thế Phước Long	20/5/1967	Nam	Giảng viên hạng III	Tạo hình hàm mặt	Răng Hàm Mặt
25	Phan Thị Thảo Ly	01/8/1990	Nữ	Giảng viên hạng III	Sinh học thực nghiệm	Y khoa
26	Đoàn Thanh Minh	21/10/1989	Nam	Trợ giảng	Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
27	Nguyễn Thành Nam	02/11/1993	Nam	Giảng viên hạng III	Y học dự phòng	Y khoa
28	Phan Thị Hằng Nga	19/8/1988	Nữ	Giảng viên hạng III	Hóa học	Y khoa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
29	Võ Thị Nga	05/5/1994	Nữ	Giảng viên hạng III	Y đa khoa	Y khoa
30	Phan Thị Hoàng Ngân	13/4/1985	Nữ	Giảng viên hạng III	Y tế công cộng	Y khoa
31	Võ Bá Nghĩa	15/10/1995	Nam	Trợ giảng	Điều dưỡng	Điều dưỡng
32	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	04/9/1996	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
33	Hồ Khả Vĩnh Nhân	25/8/1985	Nam	Giảng viên hạng III	Chấn thương chỉnh hình và tạo hình thẩm mỹ	Y khoa
34	Lê Viết Nhiệm	14/01/1986	Nam	Giảng viên chính	Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	Y khoa
35	Nguyễn Đức Nhon	06/01/1993	Nam	Giảng viên hạng III	Y học dự phòng	Y khoa
36	Võ Thị Hương Phú	01/3/1988	Nữ	Giảng viên hạng III	Răng hàm mặt	Răng hàm mặt
37	Nguyễn Ngọc Mỹ Phương	17/3/1994	Nữ	Trợ giảng	Răng Hàm Mặt	Răng hàm mặt
38	Trương Thị Mỹ Phương	25/7/1986	Nữ	Giảng viên hạng III	Điều dưỡng	Điều dưỡng
39	Phạm Trịnh Trúc Phương	24/11/1995	Nữ	Trợ giảng	Xét nghiệm y học	Y khoa
40	Dương Thị Thân	12/12/1992	Nữ	Trợ giảng	Y đa khoa	Y khoa
41	Nguyễn Văn Thắng	06/7/1994	Nam	Trợ giảng	Răng Hàm Mặt	Răng hàm mặt
42	Lê Kim Thanh	25/10/1990	Nữ	Giảng viên hạng III	Y tế công cộng	Y khoa
43	Phan Xuân Thương	03/6/1990	Nam	Giảng viên hạng III	Khoa học Dược (Bào chế)	Dược
44	Văn Phạm Kim Thương	17/11/1986	Nữ	Giảng viên hạng III	Dược học	Dược
45	Nguyễn Thị Thu Thủy	05/11/1978	Nữ	Giảng viên hạng III	Nhãn khoa	Y khoa
46	Lê Thị Ngọc Thùy	12/01/1994	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
47	Hà Kim Tiên	26/3/1992	Nam	Giảng viên hạng III	Y học dự phòng	Y khoa
48	Võ Thị Minh Trí	28/7/1991	Nữ	Giảng viên hạng III	Chẩn đoán hình ảnh	Y khoa
49	Phạm Thị Ngọc	21/12/1991	Nữ	Giảng viên	Chẩn đoán hình ảnh	Y khoa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
	Trinh			hạng III	ảnh	
50	Lê Kim Trọng	28/6/1983	Nam	Giảng viên hạng III	Ngoại khoa	Y khoa
51	Nguyễn Bá Trung	15/11/1976	Nam	Giảng viên cao cấp	Vật liệu nano	Y khoa
52	Phan Lê Minh Tú	26/01/1989	Nam	Giảng viên hạng III	Hoá sinh	Y khoa
53	Lê Văn Tuấn	08/9/1993	Nam	Trợ giảng	Y học dự phòng	Y khoa
54	Lê Hữu Linh Viễn	12/3/1995	Nam	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
55	Phan Thị Vinh	18/10/1995	Nữ	Trợ giảng	Y học cổ truyền	Y khoa
56	Trần Mạnh Hùng	18/10/1980	Nam	Giảng viên hạng III	Công nghệ sinh học	Dược
57	Trần Lê Hương Nguyên	20/01/1994	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
58	Trần Thị Thúy Vi	15/03/1991	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
59	Nguyễn Tấn Thịnh	12/02/1997	Nam	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
60	Lê Văn Bạ	19/09/1997	Nam	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
61	Nguyễn Thị Cẩm Vân	14/12/1997	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Y khoa	Y khoa
62	Võ Thị Thanh Vân	14/02/1987	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
63	Ngô Thị Quỳnh Trang	13/10/1997	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
64	Lê Quỳnh Nhật Oanh	29/02/1996	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
65	Phan Thị Thanh Minh	22/11/1995	Nữ	Trợ giảng	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	Răng Hàm Mặt
66	Mai Hà Thanh Bình	31/07/1995	Nữ	Giảng viên hạng III	Tổ chức quản lý Dược	Dược học
67	Phan Thị Cẩm Luyến	17/03/1995	Nữ	Giảng viên hạng III	Kỹ thuật Xét nghiệm y học	Y khoa
68	Nghiêm Thị Cẩm Mai	06/01/1996	Nữ	Trợ giảng	Y đa khoa	Y khoa
69	Phan Minh Hoàng	10/10/1998	Nam	Trợ giảng	Y đa khoa	Y khoa
70	Phạm Thị Vy	07/01/1996	Nữ	Trợ giảng	Y đa khoa	Y khoa
71	Phạm Thị Khánh Huyền	01/01/2000	Nữ	Trợ giảng	Dược	Dược học
72	Nguyễn Bình Thảo Nguyên	30/4/1995	Nữ	Trợ giảng	Điều dưỡng	Điều dưỡng
73	Phạm Trần Xuân Anh	01/01/1967	Nam	Giảng viên theo ND	Y khoa (ngoại)	Răng - Hàm - Mặt



STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				111		
74	Nguyễn Thành Trung	18/5/1976	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội tiêu hóa	Y khoa
75	Hà Sơn Bình	11/6/1976	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Hồi sức cấp cứu	Y khoa
76	Đặng Anh Đào	18/5/1980	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội khoa	Y khoa
77	Phạm Ngọc Hàm	01/01/1963	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội khoa	Y khoa
78	Nguyễn Hoàng	09/01/1966	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Ngoại khoa	Y khoa
79	Trà Tấn Hoàn	25/02/1975	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Ngoại khoa	Y khoa
80	Huỳnh Đình Lai	01/01/1965	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội tim mạch	Y khoa
81	Trần Thị Đám	02/01/1976	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Dược	Dược học
82	Lê Văn Mười	01/01/1969	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Chấn thương chỉnh hình	Răng - Hàm - Mặt
83	Huỳnh Đức Phát	01/01/1972	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Gây mê hồi sức	Y khoa
84	Nguyễn Hứa Quang	22/6/1973	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội khoa	Y khoa
85	Lê Hoàng Trường	20/5/1974	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội khoa	Y khoa
86	Thân Trọng Vũ	20/12/1976	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Ngoại khoa	Y khoa
87	Nguyễn Văn Xứng	20/02/1972	Nam	Giảng viên theo NĐ	Nội khoa	Y khoa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				111		
88	Trần Đình Vinh	11/7/1965	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Phụ khoa	Y khoa
89	Trần Thị Hoàng	25/02/1976	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Nhi khoa	Y khoa
90	Phạm Chí Kông	20/12/1974	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Phụ khoa	Y khoa
91	Huỳnh Thị Bích Ngọc	13/01/1970	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Sản phụ khoa	Y khoa
92	Trần Tứ Quý	15/12/1962	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Ung bướu	Y khoa
93	Lâm Tứ Trung	03/7/1962	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Tâm thần	Y khoa
94	Lê Thành Phúc	10/02/1963	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Lao và bệnh phổi	Y khoa
95	Trần Công Đức	02/01/1966	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Da liễu	Y khoa
96	Đoàn Hiếu Trung	04/10/1977	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nội tiêu hóa	Y khoa
97	Hồ Văn Phước	01/01/1972	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Y khoa (ngoại)	Y khoa
98	Nguyễn Phi Phong	05/06/1977	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Quản lý y tế (CKII) Ngoại khoa (ThS)	Y khoa
99	Cao Văn Trí	13/9/1969	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Ngoại Tiết niệu	Y khoa
100	Trương Ngọc Hùng	03/10/1965	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Tai Mũi Họng	Y khoa
101	Nguyễn Thị Thanh Nga	28/2/1986	Nữ	Giảng viên theo NĐ	Sản phụ khoa	Y khoa

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính	Chức danh	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành giảng dạy
				111		
102	Huỳnh Kim Quang	22/06/1974	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Sản phụ khoa	Y khoa
103	Nguyễn Thị Hoàng Hà	24/11/1968	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Nhi khoa	Y khoa
104	Đặng Văn Hào	01/01/1966	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Nhi khoa	Y khoa
105	Trương Thị Tuyết Hương	30/01/1972	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Tổ chức và Quản lý Dược	Dược học
106	Nguyễn Thị Phúc	01/01/1973	Nữ	Giảng viên theo NĐ 111	Điều dưỡng	Điều dưỡng
107	Lê Văn Hà	01/01/1968	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Răng hàm mặt	Răng - Hàm - Mặt
108	Doãn Bá Bình	08/12/1968	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Răng hàm mặt	Răng - Hàm - Mặt
109	Phan Văn Minh	26/04/1973	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Răng hàm mặt	Răng - Hàm - Mặt
110	Lê Đức Nhân	05/12/1973	Nam	Giảng viên theo NĐ 111	Hồi sức cấp cứu	Y khoa
II	Khối ngành VII					
1	Trương Lê Bích Trang	26/11/1979	Nữ	Giảng viên hạng III	Ngôn ngữ Anh	Môn chung
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	04/8/1990	Nữ	Giảng viên hạng III	Quản lý bệnh viện	Môn chung

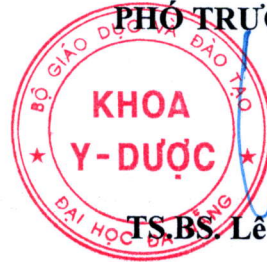
C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

STT	Khối ngành	Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	

4	Khối ngành IV	
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	22
7	Khối ngành VII	

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**



TS.BS. Lê Viết Nhiệm

Biểu mẫu 21

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA Y - DƯỢC

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
I	Học phí chính quy chương trình đại trà			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm	14.300.000	
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
II	Học phí chính quy chương trình khác			
1	Tiến sĩ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Thạc sỹ	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
3	Đại học	Triệu đồng/năm		
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
4	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
5	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
III	Học phí hình thức vừa học vừa làm			
1	Đại học	Triệu đồng/năm		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Học phí/1SV/năm năm học...	Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học
	Khối ngành...	Triệu đồng/năm		
2	Cao đẳng sư phạm	Triệu đồng/năm		
3	Trung cấp sư phạm	Triệu đồng/năm		
IV	Tổng thu năm	Tỷ đồng		
1	Từ ngân sách	Tỷ đồng	Ban KHTC công khai	
2	Từ học phí	Tỷ đồng	Ban KHTC công khai	
3	Từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ	Tỷ đồng	Ban KHTC công khai	
4	Từ nguồn hợp pháp khác	Tỷ đồng	Ban KHTC công khai	

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 4 năm 2023

KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS.BS. Lê Việt Nhiệm